

Bản án số: 61/2023/DS-ST

Ngày: 15 - 8 -2023

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Lợi
2. Ông Đặng Hoàng Mích

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Ngọc Huỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Hoàng Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2023/TLST – DS ngày 11 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:109/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên Tòa số: 71/2023/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Phạm Thị H, sinh năm: 1975 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện B, tỉnh T.

- Bị đơn:

1. Phạm Thị Ngọc H, sinh năm: 1980 (Vắng mặt)

2. Nguyễn Văn T, sinh năm: 1981 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện B, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/12/2022, bản tự khai ngày 08/6/2023 và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Bà có cho vợ chồng bị đơn là bà Phạm Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn T vay tiền, cho vay làm nhiều lần, với tổng số tiền là 800.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 03%/tháng, các lần vay bà Phạm Thị Ngọc H đều có viết biên nhận mượn tiền, ký tên và viết họ tên, có ấn định thời gian trả tiền, lấy tiền thì cho hay trước 01 tháng. Vợ chồng bị đơn là bà Phạm Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn T. Vợ chồng bà H và ông T vay tiền bà nói là để đáo hạn Ngân hàng, bắt sò, chồng bà H là ông T có biết việc vay này và có đồng ý cho bà H vay tiền. Cụ thể các lần cho vay tiền như sau:

- Lần 1 ngày 03/6/2022 cho vay 200.000.000 đồng
- Lần 2 ngày 12/7/2022 cho vay 200.000.000 đồng
- Lần 3 ngày 21/7/2022 cho vay 100.000.000 đồng
- Lần 4 ngày 10/8/2022 cho vay 200.000.000 đồng
- Lần 5 ngày 17/8/2022 cho vay 100.000.000 đồng

Vợ chồng bà H và ông T từ lúc vay đến nay chưa trả vốn và lãi suất, bà đã nhiều lần đòi tiền nhưng không trả.

Nay bà Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng bà Phạm Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn T phải liên đới trả cho bà số tiền nợ vay là 800.000.000 đồng và lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày thụ lý vụ án ngày 11/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn bà Phạm Thị H vẫn giữ yêu cầu khởi kiện.

* Bị đơn bà Phạm Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn T các lần Tòa án triệu tập hòa giải, xét xử đều vắng mặt nên không có lời khai.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên Tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Đối với Thẩm phán phân công giải quyết án xác định đúng quan hệ tranh chấp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn có chấp hành tốt theo Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt là vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466, 288 Bộ luật dân sự; Điều 27, 30 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà H và ông T phải liên đới trả cho bà H số tiền nợ vay và lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng của đương sự và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Phạm Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Đại tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, được Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để hòa giải, xét xử đến lần thứ 2 nhưng ông bà vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà H, ông T là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về thủ tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị H có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là “*Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ*”

theo khoản 11 Điều 114 Bộ luật tố tụng hình sự đối với tài sản là quyền sử dụng đất thuộc các thửa đất số 136, 508, 109, 139 tờ bản đồ số 11; thửa đất số 510, tờ bản đồ số 16; thửa đất số 78, tờ bản đồ số 2 đều tọa lạc tại xã T. Do bị đơn bà H có hành vi chuyển nhượng đất cho người khác nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Nguyên đơn bà H đã thực hiện biện pháp bảo đảm nộp vào tài khoản phong tỏa tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Bình Đại số tiền là **260.000.000** đồng (Ngày 06/01/2023 và 20/02/2023). Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đã ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2023/QĐ-ADBPCKTT ngày 06/01/2023 và số 02/2023/QĐ-ADBPCKTT ngày 20/02/2023, các đương sự đã được nhận, không có khiếu nại nên phát sinh hiệu lực.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H đòi bà Phạm Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn T phải trả số tiền nợ vay 800.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào các giấy nợ là biên nhận mượn tiền đề ngày 03/6/2022, 12/7/2022, 21/7/2022, 10/8/2022, 17/8/2022 (Bút lục từ số 10 đến 14) đều thể hiện bà Phạm Thị Ngọc H có vay tiền, nhận tiền vay của nguyên đơn bà H và dưới mục người mượn tiền bà Phạm Thị Ngọc H đều có ký tên và viết đầy đủ họ và tên. Mặt khác, quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã có tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho bà H và ông T, có nêu rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H cho phía bị đơn bà H và ông T biết nhưng bà H và ông T đều vắng mặt, không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H. Điều này đã khẳng định bà H và ông T đã mặc nhiên thừa nhận còn nợ nguyên đơn bà H số tiền vay chưa trả là 800.000.000 đồng. Bà H không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, nguyên đơn bà H khởi kiện yêu cầu bà H và ông T phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay 800.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp, phù hợp quy định pháp luật tại Điều 463, 465, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu trả lãi suất 1.66%/tháng từ ngày thụ lý vụ án ngày 11/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 15/8/2023) của nguyên đơn bà H. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ lúc nhận tiền vay đến nay phía bị đơn bà H và ông T không có trả vốn và lãi suất cho nguyên đơn bà H là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của người vay. Thời gian nguyên đơn bà H yêu cầu trả lãi suất tính từ ngày 11/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 15/8/2023) và mức lãi suất phải trả là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Số tiền lãi suất bà H và ông T phải trả cho bà H được tính như sau:

800.000.000 đồng x 1,66% x 07 tháng 04 ngày = 94.730.600 đồng (Chín mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi nghìn sáu trăm đồng).

[5] Nguyên đơn bà H khởi kiện yêu cầu bà H và ông T cùng liên đới trả nợ. Hội đồng xét xử xét thấy: Bà H và ông T là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thắng (Số 09, quyển số 01/2002). Số tiền nợ vay của bà H và ông T được hình thành thành trong thời kỳ hôn nhân giữa bà H và ông T. Nguyên đơn bà H là người cùng địa phương với ông T, bà H và bà H khai rằng, bà H và ông T vay tiền của bà H mục đích là để nuôi sò phát triển kinh tế gia đình và đáo hạn Ngân hàng. Bà H và ông T không có ý kiến phản hồi số tiền nợ này. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà H và ông T cùng liên đới trả tiền nợ vay và lãi suất là hoàn toàn có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà H và ông T phải có

trách nhiệm liên đới cùng trả số tiền nợ vay và lãi suất nêu trên cho nguyên đơn bà Hạnh là đúng quy định pháp luật tại Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn bà H có yêu cầu tiếp tục duy trì các quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo thi hành án sau này, hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 01/2023/QĐ-BPBD ngày 06/01/2023 và số 02/2023/QĐ-BPBD ngày 20/02/2023 để bà H được nhận lại số tiền đang bị phong tỏa tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Bình Đại là 260.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy đây là yêu cầu phù hợp nên chấp nhận.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên Tòa về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, diễn biến tại phiên tòa và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H được chấp nhận. Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà H và ông T phải liên đới chịu án phí là:

$894.730.600 \text{ đồng} (800.000.000 \text{ đồng} + 94.730.600 \text{ đồng}) = 36.000.000 \text{ đồng} + 3\% \times 94.730.600 \text{ đồng} = 38.842.000 \text{ đồng}$ (Ba mươi tám triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 357, 463, 465, 466, 468, 470, 288 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H đòi bà Phạm Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn T trả tiền nợ vay và tiền lãi suất.

2. Buộc bà Phạm Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Phạm Thị H số tiền nợ vay 894.730.600 đồng (Tám trăm chín mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi nghìn sáu trăm đồng) (Gồm nợ gốc 800.000.000 đồng, tiền lãi suất 94.730.600 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 01/2023/QĐ-ADBPKCTT ngày 06/01/2023 và số 02/2023/QĐ-ADBPKCTT ngày 20/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ để bảo đảm thi hành án

sau này cho đến khi có quyết định hủy bỏ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định tại Điều 138 Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 01/2023/QĐ-BPBD ngày 06/01/2023 và số 02/2023/QĐ-BPBD ngày 20/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre đối với tài khoản số 7104205332393 tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Bình Đại số tiền 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Phạm Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn T phải liên đới chịu 38.842.000 đồng (Ba mươi tám triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị H 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002062 ngày 09/01/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa Tòa cũng có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (P.KTNV&THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THA dân sự huyện Bình Đại;
- Ngân hàng NN&PTNT, chi nhánh huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre;
- Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Bình Đại;
- UBND xã Thừa Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương